

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/HS-ST
Ngày: 27-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đồng và ông Trần Thê Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6
- Quảng Trị.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 6
- Quảng Trị; địa chỉ: Số F N, xã T, tỉnh Quảng Trị (trụ sở Toà án nhân dân huyện
Triệu Phong cũ), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2025/TLST-
HS ngày 26 tháng 6 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
08/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2025, của Tòa án nhân dân khu vực 6
- Quảng Trị đối với bị cáo:

LÊ DOÃN T, tên gọi khác: H, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2007, tại Quảng
Trị; số căn cước công dân: 045207008544; nơi đăng ký thường trú: thôn Á, xã Á,
tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh;
giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê S, sinh năm 1971
và con bà Lê Thị T1, sinh năm 1974, đều trú tại thôn Á, xã Á, tỉnh Quảng Trị; Vợ,
con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội
(08/5/2025), bị cáo được 17 tuổi, 06 tháng, 27 ngày.

Về nhân thân: Ngày 25/10/2022, bị Công an xã T xử phạt vi phạm hành chính
về hành vi “Trộm cắp tài sản” với hình thức “Cảnh cáo”, đã thi hành xong. Ngày
22/6/2023, bị Công an thị trấn Á xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây mất
trật tự công cộng tại khu dân cư” với hình thức “Cảnh cáo”, đã thi hành xong. Ngày
31/5/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong xử phạt 08 tháng cải tạo không
giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 22/2024/HS-ST (đã chấp hành
xong bản án ngày 23/01/2025).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày
15/7/2025 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- **Đại diện hợp pháp đồng thời là người bào chữa cho bị cáo:** Ông Lê S, sinh
năm 1971 (bố của bị cáo); số căn cước công dân: 045077005502; nơi cư trú: Thôn
Á, xã Á, tỉnh Quảng Trị; có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1978; số căn cước công dân: 045078001004; nơi cư trú: số A đường P, phường Q, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1998; số căn cước công dân: 045198002775; nơi cư trú: thôn B, xã T, tỉnh Quảng Trị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phan Quang Hữu H1, sinh ngày 08/3/2010; số căn cước công dân: 045210003480; nơi cư trú: thôn N, xã T, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Người diện hợp pháp của anh Phan Quang H2 H1: Ông Phan Quang L, sinh năm 1985 (bố của anh H1); số căn cước công dân: 045085009587; nơi cư trú: thôn N, xã T, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Phạm Viết P, sinh năm 1993; số căn cước công dân: 045093000258; nơi cư trú: số B N, phường Q, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Thọ T3, sinh năm 1990; số căn cước công dân: 045090003897; nơi cư trú: thôn B, xã T, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Thu C, sinh năm 1984; số căn cước công dân: 045184007961; nơi cư trú: thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Anh Lê Đình Minh Q, sinh ngày 23/01/2010; số căn cước công dân: 045210005920; nơi cư trú: thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Người diện hợp pháp của anh Lê Đình M Q: Ông Lê Đình T4, sinh năm 1968 (bố của anh Q); số căn cước công dân: 045068007816; địa chỉ: thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Anh Văn Đức Lê N1, sinh ngày 06/11/2009; số căn cước công dân: 045209003070; nơi cư trú: thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Người đại diện hợp pháp của anh Văn Đức Lê N1: Bà Lê Thị Thu C sinh năm 1984 (mẹ của anh N1); nơi cư trú: thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Đoàn xã Á, tỉnh Quảng Trị: Ông Hoàng B - Bí thư Đoàn xã Á, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Doãn T và Phan Quang Hữu H1 (sinh ngày 08/3/2010, trú tại thôn N, xã T, tỉnh Quảng Trị) có mối quan hệ quen biết từ trước. Tối ngày 07/5/2025, khi đang ngồi chơi tại Quán bún đậu 68 ở đường H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị (nay là đường H, phường Q, tỉnh Quảng Trị), H1 rủ T đi lấy trộm bình điện xe điện để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, T đồng ý. Cả hai bàn bạc thống nhất, T là người chuẩn bị phương tiện để di chuyển, còn H1 là người chuẩn bị công cụ mở bình điện. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T mượn xe mô tô màu đen, biển kiểm soát 83FC-8143

của Văn Đức L, rồi điều khiển xe chở H1 đi tìm nhà nào có sơ hở thì lấy trộm bình điện xe điện. Khi T điều khiển xe chở H1 đến khu vực gần nhà ông Nguyễn Văn T2 ở khu phố C, Phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị (nay là khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Trị), thì T và H1 phát hiện phía ngoài cổng nhà ông T2 có dựng 01 xe đạp điện. Quan sát thấy không có ai nên T dừng xe lại. T ngồi trên xe canh gác, còn H1 xuống xe, đi đến vị trí xe đạp điện thì thấy có 02 tua vít ở sát tường rào, H1 lấy một cái đưa cho T, còn H1 dùng một tua vít mở xe đạp điện, lấy trộm 04 bình điện màu đen. Sau đó, T và H1 đưa 04 bình điện lấy trộm được đi cất giấu tại vỉa đất có cột gắn biển tên đường H - đường Đ) ở khu phố E, Phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị (nay là khu phố E, phường Q, tỉnh Quảng Trị).

Sau khi lấy trộm 04 bình điện nêu trên, T và H1 tiếp tục bàn bạc với nhau đi tìm nhà nào có sơ hở để lấy trộm bình điện xe điện. Khoảng 03 giờ 40 phút ngày 08/5/2025, khi đi đến nhà của bà Trần Thị Kim N, ở thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn B, xã T, tỉnh Quảng Trị), H1 phát hiện có 01 xe điện đang để ở trong sân nhà nên bảo T dừng xe lại. Quan sát thấy không có ai, T đứng ngoài canh gác, còn H1 đi đến vị trí xe điện, dùng tua vít mở lấy trộm bình điện nhưng không lấy được. Một lúc sau, T đi vào cùng với H1 dùng tua vít mở lấy trộm 04 bình điện màu cam từ xe điện. T và H1 đưa 04 bình điện về cất giấu tại vỉa đất có cột gắn biển tên đường ở trên, rồi về lại Quán bún đậu 68 trả xe cho N1 và nghỉ lại.

Sáng cùng ngày, T mượn xe điện biển kiểm soát 74MĐ-00747 của N1, điều khiển chở H1 đi lấy 04 bình điện màu cam đã cất giấu trước đó đưa đến quán T5, số B N, Phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị (nay là số B, Nguyễn Thị L1, phường Q, tỉnh Quảng Trị) bán cho ông Phạm Viết P với giá 600.000 đồng. Sau đó, H1 và T tiếp tục lấy 04 bình điện màu đen đưa về quán sửa xe máy điện của ông Nguyễn Thọ T3 ở thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay thôn B, xã T, tỉnh Quảng Trị) bán cho ông T3 với giá 560.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T và H1 về lại Quán bún đậu 68, trả xe cho N1 và cho N1 100.000 đồng, số tiền còn lại T và H1 sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 08/5/2025, bà Trần Thị Kim N đến quán ông Phạm Viết P để mua lại 04 bình điện màu cam đã bị mất trộm với giá 600.000 đồng, rồi giao nộp cho Cơ quan Công an. Ngày 23/5/2025, bà Phan Thị Mỹ D (là cô ruột của Phan Quang Hữu H1) đến quán ông Nguyễn Thọ T3 mua lại 04 bình điện với giá 560.000 đồng và giao nộp cho Cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KLĐG ngày 06/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 04 bình điện mà bị cáo T lấy trộm của bà Trần Thị Kim N tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tại Kết luận định giá tài sản số 1617/KL-HĐĐGTS ngày 20/8/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Trị kết luận: 04 bình điện màu đen mà Lê Doãn T lấy trộm của ông Nguyễn Văn T2 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá 1.833.332 đồng (*Một triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi hai đồng*).

Cáo trạng số 25/CT-VKSTP ngày 15/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị truy tố Lê Doãn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 90, 91 Bộ luật Hình sự; Điều 12, 115, 119, 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên xử phạt Lê Doãn T từ 04 (bốn) đến 05 (năm) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về án phí: bị cáo Lê Doãn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi lấy trộm 04 bình điện của ông Nguyễn Văn T2 vào ngày 07/5/2025 tại Khu phố C, Phường B, tỉnh Quảng Trị, có trị giá 1.833.332 đồng, chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị đã chuyển Công an phường Q để xem xét xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Doãn T và Phan Quang Hữu H1 theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi lấy trộm 04 bình điện của bà Trần Thị Kim N vào ngày 08/5/2025 của Phan Quang Hữu H1 (là người cùng bị cáo Lê Doãn T thực hiện) có trị giá 2.500.000 đồng: Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp H1 chưa đủ 16 tuổi (15 tuổi 02 tháng) nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ liên quan đến Công an xã T để xem xét xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với ông Phạm Viết P và ông Nguyễn Thọ T3: Quá trình điều tra xác định, tại thời điểm mua các bình điện từ T và H1, ông P và ông T3 không biết tài sản trên do T và H1 phạm tội mà có nên không xem xét xử lý trách nhiệm của ông P và ông T3.

Đối với Văn Đức Lê N1: Quá trình điều tra xác định, tại thời điểm cho Lê Doãn T và Phan Quang Hữu H1 mượn xe mô tô gắn biển kiểm soát 83FC-8143 và xe máy điện biển kiểm soát 74MD6-007.47, nhận số tiền 100.000 đồng từ T, N1 không biết việc T và H1 sử dụng xe để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, không biết số tiền 100.000 đồng mà T cho là do phạm tội mà có, N1 cũng đã chủ động giao nộp lại số tiền 100.000 đồng, nên không xem xét, xử lý trách nhiệm của N1.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Lê Doãn T và Phan Quang Hữu H1 đã bồi thường cho bà Trần Thị Kim N số tiền 600.000 đồng. Bà N đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Ông Nguyễn Văn T2 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu Lê Doãn T và Phan Quang Hữu H1 bồi thường thiệt hại.

Ông Phạm Viết P, ông Nguyễn Thọ T3, không yêu cầu Lê Doãn T và Phan Quang Hữu H1 bồi thường về dân sự nên không xem xét.

Về vật chứng và tài sản thu giữ: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước đối với số tiền 100.000 đồng thu của Văn Lê Đức N2 đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra.

Tại phiên tranh luận: Bị cáo Lê Doãn T thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Quảng Trị, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Vào khoảng 11 giờ 40 phút ngày 07/5/2025, tại nhà ông Nguyễn Văn T2 ở khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Trị, bị cáo Lê Doãn T cùng Phan Quang Hữu H1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 04 bình điện của ông Nguyễn Văn T2 đã được Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Trị kết luận: 04 bình điện màu đen mà Lê Doãn T lấy trộm của ông Nguyễn Văn T2 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá 1.833.332. Đến khoảng 4 giờ ngày 08/5/2025, tại nhà bà Trần Thị Kim N ở thôn B, xã T, tỉnh Quảng Trị, bị cáo Lê Doãn T cùng Phan Quang Hữu H1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 04 bình điện của bà Trần Thị Kim N, được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 04 bình điện màu cam mà bị cáo T lấy trộm của bà Trần Thị Kim N tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá 2.500.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Doãn T đã lấy trộm 04 bình điện của bà Trần Thị Kim N vào ngày 08/5/2025, có giá 2.500.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Về nhân thân bị cáo nhiều lần bị Cơ quan Công an xử phạt hành chính, cụ thể: Ngày 25/10/2022, bị Công an xã T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” với hình thức “Cảnh cáo”. Ngày 22/6/2023, bị Công an thị trấn Á xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây mất trật tự công cộng tại khu dân cư” với hình thức “Cảnh cáo”. Ngày 31/5/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong xử phạt 08 tháng “Cải tạo không giam giữ” về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 22/2024/HS-ST. Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều

thành khẩn khai báo, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: mặc dù bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, tuy nhiên bị cáo đã bị xử phạt hành chính nhiều lần về hành vi trộm cắp tài sản và gây rối trật tự công cộng. Vào ngày 31/5/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong xử phạt 08 tháng “Cải tạo không giam giữ” về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 22/2024/HS-ST. Ngày 23/01/2025, bị cáo chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ. Như vậy, sau khi chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tại cộng đồng chưa được bao lâu thì bị cáo lại tiếp tục hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 07/5/2025. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy biện pháp cải tạo giáo dục bị cáo tại địa phương không làm cho bị cáo trở thành một công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội, đồng thời cũng là cách ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên bị cáo là người chưa thành niên nên khi xem xét quyết định hình phạt cần áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự và Luật tư pháp người chưa thành niên quy định về đường lối xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội đối với bị cáo, xử phạt bị cáo ở mức nhẹ hơn so với người đã thành niên phạm tội tương tự. Bị cáo là người dưới 18 tuổi nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Bị cáo Lê Doãn T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị nhưng bị phạt tù nên cần tiếp tục áp dụng biện pháp này để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với hành vi của Lê Doãn T và Phan Quang Hữu H1 đã lấy trộm 04 bình điện của ông Nguyễn Văn T2 vào ngày 07/5/2025 tại Khu phố C, Phường B, tỉnh Quảng Trị, có trị giá 1.833.332 đồng, chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị đã chuyển hồ sơ đến Công an phường Q để xem xét xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của Phan Quang Hữu H1 (là người cùng bị cáo Lê Doãn T) trộm 04 bình điện của bà Trần Thị Kim N vào ngày 08/5/2025, có trị giá 2.500.000 đồng: Tại thời điểm thực hiện hành vi này H1 chưa đủ 16 tuổi (15 tuổi 02 tháng) nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ liên quan đến Công an xã T để xem xét xử phạt vi phạm hành chính đối với Phan Quang Hữu H1 là đúng quy định của pháp luật

Đối với anh Văn Đức Lê N1: Quá trình điều tra xác định, tại thời điểm cho Lê Doãn T và Phan Quang Hữu H1 mượn xe mô tô gắn biển kiểm soát 83FC-8143 và xe máy điện biển kiểm soát 74MD6-007.47, nhận số tiền 100.000 đồng từ bị cáo T, N1 không biết việc T và H1 sử dụng xe để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, không biết số tiền 100.000 đồng mà T đưa cho N1 là do phạm tội mà có, N1 cũng đã chủ động giao nộp lại số tiền 100.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trách nhiệm đối với anh N1.

Đối với ông Phạm Viết P và ông Nguyễn Thọ T3: Quá trình điều tra xác định, tại thời điểm mua các bình điện từ bị cáo T và H1, ông P và ông T3 không biết tài sản trên do T và H1 trộm cắp mà có nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trách nhiệm đối với ông P và ông T3.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại đã được nhận lại đầy đủ tài sản, bị cáo T và Phan Quang Hữu H1 đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại. Các bị hại gồm ông Nguyễn Văn T2 và bà Trần Thị Kim N không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Phạm Viết P, ông Nguyễn Thọ T3 không yêu cầu bị cáo T và Phan Quang Hữu H1 bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng và tài sản thu giữ:

Đối với số tiền 100.000 đồng thu của anh Văn Đức Lê N1 giao nộp lại cho cơ quan điều tra, ngày 11/8/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã gửi tại tài khoản tạm giữ số 3949.0.904.2221.00000 của Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC01) Công an tỉnh Q, tại Phòng G - Kho bạc Nhà nước khu vực XII để bảo quản theo quy định. Số tiền này, bị cáo T sau khi bán bình điện đã trộm cắp và cho N1. Đây là số tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, 91 Bộ luật Hình sự; Điều 12, 115, 119, 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, tuyên xử:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Doãn T (tên gọi khác: H) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Lê Doãn T **04** (bốn) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Lê Doãn T để bảo đảm thi hành án.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng) hiện đang tạm giữ tại tài khoản tạm giữ số 39490904222100000 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, tại Phòng G - Kho bạc Nhà nước khu vực XII (theo giấy nộp tiền ngày 11/08/2025 của Công an tỉnh Q tại Ngân hàng TMCP C1 - chi nhánh Q1 phòng G1).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lê Doãn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp đồng thời là người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 6 - Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Phan Đăng Khoa

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa